

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)

Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 04.6276 5555

Fax : 04.6276 5556

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai

Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888

Fax

Loại thông in công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm quý IV năm 2019

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường dẫn:

<https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2020 *D*

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm:

Báo cáo tài chính năm quý IV năm 2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
				Số đầu kỳ (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		1,625,439,249,999	1,560,857,895,296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	191,811,332,359	107,917,551,189
1. Tiền	111		186,811,332,359	107,917,551,189
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	456,235,090,752	435,833,184,691
1. Đầu tư ngắn hạn	121		469,821,295,647	441,279,708,427
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13,586,204,895)	(5,446,523,736)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		699,015,479,656	648,653,646,671
1. Phải thu khách hàng	131		382,534,138,451	362,258,046,890
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	132,443,082,518	152,648,147,569
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	250,091,055,933	209,609,899,321
2. Trả trước cho người bán	132		3,184,042,596	3,446,179,215
3. Các khoản phải thu khác	135	9	381,430,808,918	320,498,597,673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(68,133,510,309)	(37,549,177,107)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		27,666,908,018	20,784,592,734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	25,625,048,648	20,430,695,900
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		24,170,005,068	19,196,393,606
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,455,043,580	1,234,302,294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,213,673,058	272,696,039
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	828,186,312	81,200,795
V. Tài sản tài bảo hiểm	190	12	250,710,439,214	347,668,920,011
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		98,959,827,923	137,684,464,202
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		151,750,611,291	209,984,455,809
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		451,443,624,784	380,091,557,385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,551,005,196	11,266,790,174
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	11,551,005,196	11,266,790,174
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4,551,005,196	4,266,790,174
II. Tài sản cố định	220		7,480,060,756	5,561,871,067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6,590,438,127	5,200,348,492
<i>Nguyên giá</i>	222		22,445,426,594	21,908,355,283
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15,854,988,467)	(16,708,006,791)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	889,622,629	361,522,575
<i>Nguyên giá</i>	228		2,462,259,000	1,750,350,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,572,636,371)	(1,388,827,425)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	427,479,776,376	359,108,117,329
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		231,825,681,850	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		196,135,112,624	303,935,681,850
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(481,018,098)	(377,564,521)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4,932,782,456	4,154,778,815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,932,782,456	4,154,778,815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,076,882,874,783	1,940,949,452,681

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số đầu kỳ (Phân loại lại)	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,252,153,337,898	1,124,389,779,932
I. Nợ ngắn hạn	310		1,250,315,209,604	1,114,571,133,662
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		166,072,248,342	164,870,126,916
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	159,496,676,813	163,126,255,175
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		6,575,571,529	1,743,871,741
3. Người mua trả tiền trước	313		8,999,293,653	8,772,549,146
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10,073,326,063	8,586,116,671
5. Phải trả người lao động	315		50,797,263,044	22,978,019,498
6. Chi phí phải trả	316		-	30,000,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	3,247,147,963	2,538,431,276
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	21,114,412,453	37,375,138,555
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20,702,443	344,610,336
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	989,990,815,643	869,076,141,264
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		621,237,826,047	474,311,275,860
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc nhận tái bảo hiểm	329.2	và	312,232,337,174	348,437,391,535
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		56,520,652,422	46,327,473,869
II. Nợ dài hạn	330		1,838,128,294	9,818,646,270
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,832,128,294	9,812,646,270
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		824,729,536,885	816,559,672,749
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	824,729,536,885	816,559,672,749
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		11,687,124,951	11,263,840,112
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13,042,411,934	5,295,832,637
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,076,882,874,783	1,940,949,452,681


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020


Kế toán trưởng




Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2018
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	473,354,637,009	507,433,103,702	890,831,247,047	638,670,355,327
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	152,997,843,247	142,076,743,801	206,120,476,022	158,287,343,819
3. Thu nhập khác	13	1,098,367,477	608,736,975	1,809,982,422	722,797,457
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	491,946,380,873	504,010,700,622	886,238,445,289	632,395,587,217
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	46,990,685,907	38,534,568,147	47,351,011,511	40,450,744,695
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	83,972,652,905	95,990,783,666	156,580,337,286	119,030,378,167
7. Chi phí khác	24	107,258,554	145,444,031	107,151,019	146,092,763
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	4,433,869,494	11,437,088,012	8,484,760,386	5,657,693,761
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50) (60 = 50)	60	5,251,205,281	11,353,954,921	8,465,696,773	5,574,560,670

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MÃ SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2018
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	311,307,868,073	240,143,220,670	1,063,433,455,108	795,137,105,013
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		354,589,885,237	269,373,033,373	1,180,360,640,111	902,616,182,842
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		10,528,116,330	9,809,023,224	29,999,365,184	35,479,111,023
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		53,810,133,494	39,038,835,927	146,926,550,187	142,958,188,852
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	59,705,733,728	65,186,359,804	229,766,766,048	228,036,083,945
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		46,817,039,154	74,474,368,876	191,042,129,769	268,415,274,214
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(12,888,694,574)	9,288,009,072	(38,724,636,279)	40,379,190,269
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		251,602,134,345	174,956,860,866	833,666,689,060	567,101,021,068
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		15,997,013,420	27,500,179,637	57,164,557,987	71,569,334,259
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		15,949,852,525	25,646,955,848	57,021,562,032	68,849,507,031
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		47,160,895	1,853,223,789	142,995,955	2,719,827,228
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		267,599,147,765	202,457,040,503	890,831,247,047	638,670,355,327
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		148,687,218,216	106,096,928,687	460,064,591,278	307,216,847,389
- Tổng chi bồi thường	11.1		148,687,218,216	106,096,928,687	460,064,591,278	307,216,847,389
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		34,553,337,352	43,619,688,576	132,753,551,533	103,257,678,084
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		395,597,739	19,386,679,763	(36,205,054,361)	125,637,269,397
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		6,177,843,519	10,294,390,935	(58,233,844,518)	86,026,218,977
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	108,351,635,084	71,569,528,939	349,339,829,902	243,570,219,725
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		3,183,009,569	2,047,076,824	10,193,178,553	6,696,799,999
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	179,822,478,611	122,542,746,100	526,705,436,834	382,128,567,493
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		11,915,630,517	9,867,014,175	40,203,627,682	35,306,470,773
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		167,906,848,094	112,675,731,925	486,501,809,152	346,822,096,720
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		291,357,123,264	196,159,351,863	886,238,445,289	632,395,587,217
14. LN (Lỗ) góp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		(23,757,975,499)	6,297,688,640	4,592,801,758	6,274,768,110

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

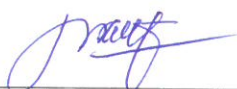
Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Năm 2018
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	118,736,368,865	98,633,772,320	206,120,476,022	158,287,343,819
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	43,164,169,857	29,901,162,077	47,351,011,511	40,450,744,695
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		75,572,199,008	68,732,610,243	158,769,464,511	117,836,599,124
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	46,688,348,815	45,574,310,377	156,580,337,286	119,030,378,167
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		5,125,874,694	29,455,988,506	6,781,928,983	5,080,989,067
20. Thu nhập khác	31		357,001,138	156,733,278	1,809,982,422	722,797,457
21. Chi phí khác	32		55,535,656	21,479,885	107,151,019	146,092,763
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		301,465,482	135,253,393	1,702,831,403	576,704,694
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,427,340,176	29,591,241,899	8,484,760,386	5,657,693,761
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(618,956,841)	83,133,091	19,063,613	83,133,091
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,046,297,017	29,591,241,899	8,465,696,773	5,574,560,670


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Kế toán trưởng


Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MÃ SỐ B 03a-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4	
		Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	528,497,746,307	148,056,931,522	1,839,357,840,338	1,143,498,308,506
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(351,037,926,983)	(194,755,780,315)	(1,254,955,471,387)	(1,042,279,086,406)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(44,798,567,134)	(47,321,036,762)	(155,937,181,053)	(124,876,842,788)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-	-	(928,420,996)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(164,333,886)	(766,049,130)	(2,086,904,695)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	216,787,835,809	5,359,899,209	235,870,115,067	52,250,798,708
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(333,089,967,804)	(31,037,566,055)	(413,882,865,041)	(123,237,059,650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16,359,120,195	(119,861,886,287)	249,686,388,794	(97,659,207,321)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,189,935,650)	(32,500,000)	(2,404,248,550)	(32,500,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	272,000,000	1,005,000,000	283,468,859
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(149,000,000,000)	(280,000,000,000)	(456,500,000,000)	(790,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	167,000,000,000	222,625,000,000	446,009,455,898	703,875,950,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	73,659,998,500	(192,239,000,000)	(35,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	52,930,217,000	1,618,887,376	52,930,217,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18,520,767,069	33,834,863,058	36,807,412,649	78,974,507,153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	35,330,831,419	103,289,578,558	(165,702,492,627)	11,031,643,012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	-	80,000,000,000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	-	(159,546,608,317)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14,800,000,000)	-	(14,800,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(14,800,000,000)	-	(94,346,608,317)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	51,689,951,614	(31,372,307,729)	83,983,896,167	(180,974,172,626)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	140,189,470,577	139,292,287,753	107,917,551,189	288,666,117,694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(68,089,832)	(2,428,835)	(90,114,997)	225,606,121
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	191,811,332,359	107,917,551,189	191,811,332,359	107,917,551,189


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Kế toán trưởng

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1001 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 901 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và ba mươi tư (36) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, Bảo hiểm Hàng không Tây Nam Bộ, Bảo hiểm Hàng không Tân Sơn Nhất, Bảo hiểm Hàng không Thành Đô, Bảo hiểm Hàng không Bến Thành, Bảo hiểm Hàng không Long An, Sở Giao dịch, Bảo hiểm Hàng không Tây Bắc, Bảo hiểm Hàng không Trảng An, Bảo hiểm Hàng không Hà Thành, Bảo hiểm Hàng không Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; Bảo hiểm Hàng không Huế; Bảo hiểm Hàng không Duyên Hải; Bảo hiểm Hàng không Bình Dương.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giá, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2019
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)

Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm)

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phân ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Phân loại lại) VND
Tiền mặt	2,030,624,854	2,962,961,913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184,778,885,905	104,942,789,276
Tiền đang chuyển	1,821,600	11,800,000
Các khoản tương đương tiền (i)	5,000,000,000	-
	191,811,332,359	107,917,551,189

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	469,821,295,647	(13,586,204,895)	441,279,708,427	(5,446,523,736)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	165,321,295,647	(13,586,204,895)	147,279,708,427	(5,446,523,736)
- Tổng giá trị cổ phiếu	165,321,295,647	(13,586,204,895)	147,279,708,427	(5,446,523,736)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	304,500,000,000	-	294,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	304,500,000,000	-	294,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	427,960,794,474	(481,018,098)	359,485,681,850	(377,564,521)
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
- Trái phiếu (ii)	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	268,815,681,850	(481,018,098)	92,540,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết (iii)	231,825,681,850	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	36,990,000,000	(481,018,098)	36,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	144,145,112,624	-	251,945,681,850	(377,564,521)
- Đầu tư mua cổ phiếu OTC (v)	144,145,112,624	-	251,945,681,850	(377,564,521)

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Thể hiện khoản mua trái phiếu niêm yết của ANBINHCITY với số lượng là 150 trái phiếu, kỳ hạn 02 năm từ ngày 10/07/2018 đến ngày 10/07/2020. Tổng Công ty có kế hoạch nắm giữ những trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.

(iii) Thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty liên kết sau:

- Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.
- Công ty CP Điện Cơ thống Nhất, số tiền 176.275.681.850 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 24,24% vốn điều lệ)

(iv) Thể hiện các khoản góp vốn sau:

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 4.94% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Hàng không T&T, số tiền 35.000.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 4.38% vốn điều lệ).

(v) Thể hiện khoản mua cổ phiếu của các Công ty:

- Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà, số tiền gốc 145.764.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 18.84%), trong kỳ Tổng công ty nhận được số tiền: 1.618.887.376 VND tiền cổ tức của kỳ kế toán năm 2018 (kỳ kế toán trước khi Tổng Công ty sở hữu cổ phiếu), Tổng Công ty ghi giảm giá gốc tương ứng với giá trị cổ tức nhận được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	51,274,049,153	56,951,160,154
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	47,646,414,644	54,689,882,038
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	3,627,634,509	2,261,278,116
Các khoản phải thu khách hàng khác		
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	15,014,349,677	20,107,240,746
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	62,368,953,732	73,100,392,384
AON Benfield Asia PTE Ltd	12,578,328,106	22,731,687,904
Công ty Willis Singapore	13,044,379,361	2,357,013,723
Công ty Korean Re	16,127,580,343	20,615,472,713
Các khoản phải thu khách hàng khác	20,618,665,922	27,396,218,044
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	2,029,564,637	836,474,137
e) Phải thu khác	1,756,165,319	1,652,880,148
	132,443,082,518	152,648,147,569

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	211,726,084,000	171,250,000,000
Phải thu khác	5,072,612	
	250,091,055,933	209,609,899,321

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi của khoản đầu tư trên với giá trị lần lượt là 21.948.415.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	381,430,808,918	320,498,597,673
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	98,007,331	72,546,531
Tạm ứng	2,591,018,006	1,992,512,272
Phải thu ngắn hạn khác	378,741,783,581	318,433,538,870
- Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (i)	50,000,000,000	100,000,000,000
- Công ty cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ (ii)	-	205,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hồng Việt	300,000,000,000	-
- Phải thu tiền lãi	27,695,410,895	10,997,678,034
- Khác	1,046,372,686	2,435,860,836
b) Dài hạn	11,551,005,196	11,266,790,174
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	4,551,005,196	4,266,790,174
	392,981,814,114	492,017,709,813

(i) Thể hiện khoản tiền còn phải thu 50.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Cơ khí và Điện tử T&T theo biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2018/HĐHT/CKĐT-VNI ngày 27/12/2019, theo đó T&T phải chuyển trả VNI 100.000.000.000 VND tương ứng với khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển tiền hợp tác và lợi nhuận theo cam kết trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thanh lý. Ngày 28/12/2019, T&T đã chuyển trả cho Tổng công ty số tiền 50.000.000.000 đồng.

(ii) Thể hiện số tiền phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hồng Việt về khoản đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc tìm kiếm trụ sở văn phòng số 01/2019/TTĐC/VNI-HONGVIET ngày 17 tháng 12 năm 2019, hợp đồng hết hiệu lực đến ngày 31/12/2020.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DNPNT****10. NỢ XẤU**

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	93,957,205,308	68,133,510,309	43,460,771,335	37,549,177,107
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	33,272,401,590
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T	50,000,000,000	25,000,000,000	-	-
Các đối tượng khác	5,597,305,987	4,773,610,988	5,100,872,014	4,276,775,517

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	584,626,950	667,253,808	269,430,766	4,075,994,463	5,597,305,987
Cộng	584,626,950	667,253,808	269,430,766	4,075,994,463	5,597,305,987

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Kỳ này VND	Năm trước VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	19,196,393,606	16,259,042,027
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	23,907,528,786	19,116,396,100
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	18,933,917,324	16,179,044,521
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	24,170,005,068	19,196,393,606
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,455,043,580	1,234,302,294
	25,625,048,648	20,430,695,900

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	98,959,827,923	137,684,464,202
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	151,750,611,291	209,984,455,809
	250,710,439,214	347,668,920,011

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	10,084,549,828	11,823,805,455	21,908,355,283
Mua sắm mới	337,500,000	2,619,884,000	2,957,384,000
Thanh lý, nhượng bán	(2,387,767,234)	(32,545,455)	(2,420,312,689)
Số dư cuối kỳ	8,034,282,594	14,411,144,000	22,445,426,594
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	5,874,656,637	10,833,350,154	16,708,006,791
Trích khấu hao	897,857,441	619,397,509	1,517,254,950
Thanh lý, nhượng bán	(2,337,727,819)	(32,545,455)	(2,370,273,274)
Số dư cuối kỳ	4,434,786,259	11,420,202,208	15,854,988,467
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	4,209,893,191	990,455,301	5,200,348,492
Tại ngày cuối kỳ	3,599,496,335	2,990,941,792	6,590,438,127

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
Tăng do mua sắm	711,909,000	711,909,000
Số dư cuối kỳ	2,462,259,000	2,462,259,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	1,388,827,425	1,388,827,425
Trích khấu hao	183,808,946	57,027,489
Số dư cuối kỳ	1,572,636,371	1,572,636,371
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	361,522,575	361,522,575
Tại ngày cuối kỳ	889,622,629	889,622,629

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	107,290,148,627	126,612,491,135
Công ty Willis Singapore	52,545,732,654	40,956,864,539
Công ty Korean Re	14,050,577,414	28,093,983,817
AON Benfield Asia PTE Ltd	1,046,812,739	28,672,662,713
Các khoản phải trả công ty nhận tái bảo hiểm khác	39,647,025,820	28,888,980,066
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	2,622,217,606	4,099,806,235
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	43,895,850,942	27,389,873,391
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	14,019,497,392	12,577,717,068
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	1,080,068,249	3,317,786,573
Các khoản phải trả khách hàng khác	28,796,285,301	11,494,369,750
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	2,722,863,572	2,913,818,677
e) Phải trả khác	2,965,596,066	2,110,265,737
	159,496,676,813	163,126,255,175

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Các khoản phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	828,186,312	81,200,795
Cộng	828,186,312	81,200,795
b. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	9,440,258,856	8,143,325,070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	425,913,257	304,685,534
Thuế nhà thầu nước ngoài	55,057,804	-
Thuế, phí phải nộp khác	152,096,146	138,106,067
	10,073,326,063	8,586,116,671

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	37,375,138,555	24,685,533,444
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	18,802,759,000	35,655,815,533
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(35,063,485,102)	(22,966,210,422)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	21,114,412,453	37,375,138,555
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	46,483,579	13,603,853
Phải trả bảo hiểm y tế	15,317,608	8,377,979
Phải trả kinh phí công đoàn	817,455,879	689,444,682
Phải trả các cổ đông	214,413,900	214,413,900
Phải trả khác	2,153,476,997	1,612,590,862
	3,247,147,963	2,538,431,276

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	312,232,337,174	151,750,611,291	160,481,725,883
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	275,921,294,397	146,019,347,401	129,901,946,996
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	36,311,042,777	5,731,263,890	30,579,778,887
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	621,237,826,047	98,959,827,923	522,277,998,124
Cộng	933,470,163,221	250,710,439,214	682,759,724,007

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Kỳ này		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	348,437,391,535	209,984,455,809	138,452,935,726
Số trích lập trong kỳ	(36,205,054,361)	(58,233,844,518)	22,028,790,157
Số dư cuối kỳ	312,232,337,174	151,750,611,291	160,481,725,883

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Kỳ này		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	474,311,275,860	137,684,464,202	336,626,811,658
Số trích lập trong kỳ	146,926,550,187	(38,724,636,279)	185,651,186,466
Số dư cuối kỳ	621,237,826,047	98,959,827,923	522,277,998,124

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số dư đầu kỳ	46,327,473,869	39,630,673,870
Số trích lập thêm trong kỳ	10,193,178,553	6,696,799,999
Số dư cuối kỳ	56,520,652,422	46,327,473,869

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2018	800,000,000,000	10,985,112,079	15,232,765,530	826,217,877,609
Tăng vốn trong kỳ				
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5,574,560,670	5,574,560,670
Trích quỹ dự trữ bắt buộc		278,728,033	(278,728,033)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(432,765,530)	(432,765,530)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(14,800,000,000)	(14,800,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/2018	800,000,000,000	11,263,840,112	5,295,832,637	816,559,672,749
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2019	800,000,000,000	11,263,840,112	5,295,832,637	816,559,672,749
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	8,465,696,773	8,465,696,773
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	423,284,839	(423,284,839)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(295,832,637)	(295,832,637)
Số dư tại ngày 31/12/2019	800,000,000,000	11,687,124,951	13,042,411,934	824,729,536,885

Chi tiết nguồn vốn kinh doanh

	Vốn góp tại ngày cuối kỳ		Vốn góp tại ngày đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Phạm Ngọc Lâm	45,000,000,000	6%	45,000,000,000	6%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Cổ đông khác	683,000,000,000	85%	683,000,000,000	85%
	800,000,000,000	100%	800,000,000,000	100%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,181,715,157,697	903,173,865,887
Bảo hiểm hàng không	8,910,060,508	47,862,829,596
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	90,028,271,784	57,326,455,648
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	50,179,991,746	41,419,840,687
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	38,555,780,362	32,283,890,052
Bảo hiểm xe cơ giới	822,534,271,426	660,824,842,022
Bảo hiểm cháy nổ	92,403,098,241	51,485,573,340
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	72,940,278,566	6,894,174,833
Bảo hiểm trách nhiệm chung	5,808,422,255	4,785,964,075
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	354,982,809	290,295,634
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(1,354,517,586)	(557,683,045)
Phí nhận tái bảo hiểm	30,000,361,722	35,506,200,798
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	14,275,023,606	22,782,608,623
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	8,173,077,908	6,905,035,601
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	2,078,883,038	439,053,360
Bảo hiểm xe cơ giới	38,493,182	-
Bảo hiểm cháy nổ	1,616,656,856	1,744,408,128
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3,766,308,597	3,600,901,158
Bảo hiểm trách nhiệm chung	10,066,510	20,978,486
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	41,852,025	13,215,442
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(996,538)	(27,089,775)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(146,926,550,187)	(142,958,188,852)
	1,063,433,455,108	795,137,105,013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	191,042,129,769	268,415,274,214
Bảo hiểm hàng không	7,696,714,594	46,986,268,754
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3,303,880,901	3,136,126,068
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	32,109,522,501	25,110,667,150
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	24,809,277,741	21,806,353,986
Bảo hiểm xe cơ giới	5,658,132,675	128,578,134,030
Bảo hiểm cháy nổ	68,628,106,994	38,263,933,316
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	46,436,381,622	2,679,229,392
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2,084,636,998	1,604,379,684
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	315,475,743	250,181,834
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	38,724,636,279	(40,379,190,269)
	229,766,766,048	228,036,083,945

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	460,064,591,278	307,216,847,389
Bảo hiểm hàng không	19,322,261,751	25,183,913,686
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	33,414,314,945	31,808,747,741
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	29,504,213,663	9,148,720,797
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	16,416,586,142	5,102,287,973
Bảo hiểm xe cơ giới	329,857,922,925	223,766,907,411
Bảo hiểm cháy nổ	26,549,161,850	8,272,766,428
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	4,920,265,568	2,867,221,446
Bảo hiểm trách nhiệm chung	79,864,434	716,457,017
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	349,824,890
Chi phí giám định tổn thất		
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(132,753,551,533)	(103,257,678,084)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(36,205,054,361)	125,637,269,397
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	58,233,844,518	(86,026,218,977)
	349,339,829,902	243,570,219,725

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	40,203,627,682	35,306,470,773
Chi đòi người thứ ba	31,319,818	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	215,116,206	420,395,495
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	74,616,450	1,045,918,255
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	5,130,365,208	4,341,558,499
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	347,633,598,140	239,920,939,867
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	133,007,710,108	100,641,230,457
Chi khác	409,083,222	452,054,147
	526,705,436,834	382,128,567,493

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25,786,658,765	25,290,181,516
Lãi đầu tư trái phiếu	1,464,041,096	679,315,068
Lãi kinh doanh chứng khoán	124,729,406,872	83,626,881,745
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9,170,060,000	12,173,825,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	693,530,782	429,549,299
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	14,958,904,109	10,088,219,178
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29,317,874,398	25,999,372,013
	206,120,476,022	158,287,343,819

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	38,330,632,467	5,545,587,717
Chi phí kinh doanh chứng khoán	7,267,734,626	33,482,134,617
Chi phí lãi vay	-	928,420,996
Lỗ chênh lệch tỷ giá	120,946,782	451,498,255
Chi phí hoạt động tài chính khác	1,631,697,636	43,103,110
	47,351,011,511	40,450,744,695

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	111,543,680,935	79,954,754,895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33,746,565,801	28,227,965,585
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	496,835,471	107,026,731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,701,063,896	1,873,840,786
Chi phí dụng cụ văn phòng	4,351,473,451	4,802,290,661
Chi phí vật liệu quản lý	2,857,123,046	2,333,585,800
Thuế, phí và lệ phí	577,339,764	716,241,583
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	478,068,724	479,020,790
Chi phí quản lý khác	828,186,198	535,651,336
	156,580,337,286	119,030,378,167

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	8,484,760,386	5,657,693,761
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9,170,060,000)	(12,189,328,351)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	780,617,679	519,746,891
Thu nhập chịu thuế	95,318,065	(6,011,887,699)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	19,063,613	-
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào CP thuế TNDN của năm hiện hành		83,133,091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,063,613	83,133,091

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau

Chi tiêu	Mã số	Số tại ngày 31/12/2018		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
Bảng cân đối kế toán				
1. Phải thu khách hàng	131	362,258,046,890	160,252,321,966	522,510,368,856
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	209,609,899,321	160,252,321,966	369,862,221,287
3. Các khoản phải thu khác	135	320,498,597,673	-160,252,321,966	160,246,275,707



Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

